

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 14 tháng 02 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Xuân Trường.

2- Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST -DS ngày 03/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa 04/2023/QĐST-DS ngày 19/01/2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị B, sinh năm 1962 – Có mặt
Nơi cư trú: Thôn B, xã H A, huyện HH, tỉnh BG.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn K, sinh năm 1970 – Có mặt
Bà Ngô Thị H, sinh năm 1973 – Có mặt
Cùng nơi cư trú: Thôn H T, xã HS, huyện HH, tỉnh B G.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1960 – Có mặt
Nơi cư trú: Thôn B, xã H A, huyện HH, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/7/2022; bản tự khai ngày 18/10/2022; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 14/11/2022 và tại phiên tòa bà Vũ Thị B trình bày:

Gia đình bà có mở đại lý kinh doanh buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, để bán cho các hộ chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen biết, giữa bà và vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H có thỏa thuận bà cho gia đình ông Kế, bà Hường mua cám thức ăn chăn nuôi tại đại lý của gia đình bà từ năm 2011. Đến năm 2017 do ông Kế, bà Hường không tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi nữa, ngày 20/02/2017 âm lịch giữa bà và vợ chồng ông Kế, bà Hường chốt sổ nợ với nhau. Theo giấy chốt nợ này đến ngày 20/02/2017 vợ chồng ông Kế, bà Hường nợ số tiền là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng), hai bên viết giấy nhận nợ và thỏa thuận tính lãi suất của số tiền còn nợ là 1,2%/tháng, thời hạn trả ngày 20/2/2020 âm lịch trả. Tuy nhiên trong thời hạn trả ông Kế, bà Hường không thực hiện đúng cam kết.

Tính đến ngày 18/9/2018 (âm lịch) tức ngày 26/10/2018 ông Kế, bà Hường mới trả được 52.700.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 109.300.000 đồng.

Nay bà Bầu yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H trả bà Bầu số tiền gốc còn nợ là 255.300.000 đồng và tính lãi suất theo thỏa thuận 1,2%/tháng từ ngày 18/9/2018 âm lịch (tức ngày 26/10/2018 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 89.686.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Bầu giữ nguyên ý kiến trình bày và đề nghị HĐXX xem xét yêu cầu vợ chồng ông Kế, bà Hường phải trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 18/9/2018 âm lịch (tức ngày 26/10/2018 dương lịch) là 225.300.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,2%/tháng tính đến khi trả xong số tiền gốc còn nợ.

Bị đơn ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H tại bản tự khai; biên bản hòa giải; Biên bản đối chất đều trình bày:

Ông Kế, bà Hường xác nhận từ năm 2011 đến năm 2017 bà Bầu có bán thức ăn chăn nuôi lợn cho ông, bà. Đến năm 2017 ông, bà không tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi của bà Bầu nữa, hai bên đã thống nhất chốt nợ với nhau.

Cụ thể: Ngày 20/2/2017 âm lịch hai bên chốt nợ ông Kế, bà Hương còn nợ bà Bầu số tiền 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy tám triệu đồng). Sau khi chốt nợ vợ chồng ông, bà đã thanh toán trả bà Bầu nhiều lần cụ thể:

- + Ngày 12/4/2017 âm lịch thanh toán trả 10.000.000 đồng.
- + Ngày 03/7/2017 âm lịch thanh toán trả 15.000.000 đồng.
- + Ngày 15/12/2017 âm lịch thanh toán trả 20.000.000 đồng.
- + Ngày 18/3/2018 âm lịch thanh toán trả 12.000.000 đồng.
- + Ngày 07/7/2018 âm lịch thanh toán trả 30.000.000 đồng.
- + Ngày 18/9/2018 âm lịch thanh toán trả 25.000.000 đồng.
- + Ngày 28/12/2019 âm lịch thanh toán trả 20.000.000 đồng.
- + Ngày 25/4/2020 âm lịch thanh toán trả 10.000.000 đồng.
- + Ngày 07/10/2020 âm lịch thanh toán trả 15.000.000 đồng.
- + Ngày 15/3/2022 âm lịch thanh toán trả 5.000.000 đồng.

Tính đến ngày 15/3/2022 âm lịch tôi đã cho bà Bầu được số tiền là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Số tiền còn lại do dịch bệnh và làm ăn thua lỗ lên ông, bà còn nợ bà Bầu là 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng).

Tại phiên Tòa hôm nay ông Kế, bà Hương đồng ý trả cho bà Bầu số tiền còn lại là 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng). Ông Kế, bà Hương không đồng ý trả số tiền như bà Bầu yêu cầu là 225.300.000 đồng và không đồng ý tính lãi suất như thỏa thuận ban đầu vì hiện nay ông bà không có khả năng trả lãi suất như thỏa thuận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ch tại phiên tòa trình bày: Ông bà chồng bà Bầu, ông đã ủy quyền cho bà Bầu tham gia tố tụng, tại phiên Tòa hôm nay ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Bầu. Ông đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Kế, bà Hương phải trả cho vợ chồng ông số tiền như bà Bầu yêu cầu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 288; Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vũ Thị B.

Buộc ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H phải liên đới trả trả cho bà Vũ Thị B; ông Nguyễn Văn Ch số tiền 308.300.590 đồng (trong đó tiền gốc nợ là 224.637.390 đồng và tiền lãi phát sinh là 83.663.200 đồng.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H phải liên đới chịu 15.749.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng: Về việc tiếp cận giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về số tiền nợ. Do vậy Tòa án tiến hành hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Vũ Thị B yêu cầu ông Kế, bà Hương phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi tính đến ngày 18/9/2018 âm lịch tức ngày 26/10/2018 dương lịch đồng.

Các bên khi mua bán hàng hóa, có giao kết bằng văn bản nên xác định đây là hợp đồng mua bán hàng hóa. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Vũ Thị B yêu cầu vợ chồng ông Kế, bà Hương phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ tính đến ngày 18/9/2018 (tức 26/10/2018 dương lịch) là 225.300.000 đồng và 89.686.000 đồng tiền lãi tính đến ngày ngày 14/02/2023.

Bị đơn ông Kế, bà Hương không đồng ý trả. Chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc mua cám còn lại là 116.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong các tài liệu chứng cứ bà Bầu cung cấp cụ thể giấy có nội dung chốt nợ đề ngày 20/02/2017 âm lịch (tức ngày 17/03/2018 dương lịch) giữa bà Bầu và vợ chồng ông Kế, bà Hương có ký kết, hai bên xác định số tiền còn nợ là 278.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả cuối cùng là ngày 20/2/2020 âm lịch (tức ngày 13/3/2020 dương lịch) trả hết khoản nợ với lãi suất thỏa thuận là 1,2%/ 01 tháng, giấy ghi nợ đều có chữ ký của ông Kế, bà Hương.

Ông Kế, bà Hương thừa nhận có việc ký giấy nhận nợ nêu trên và xác định số tiền còn nợ tính đến ngày 20/02/2017 âm lịch (tức ngày 17/3/2017 âm lịch) là 278.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi 1,2%/tháng như đã nêu ở trên, tuy nhiên ông Kế, bà Hương cho rằng do làm ăn thua lỗ lên không có khả năng trả lãi suất theo thỏa thuận. Số tiền ông Kế, bà Hương đã trả cho bà Bầu là 162.000.000 đồng ông Kế, bà Bầu đề nghị trừ vào số tiền

gốc của số tiền nợ theo giấy ghi nợ. Ông Kế, bà Bầu không đồng ý tính lãi như hai bên đã thỏa thuận.

Do vậy Hội đồng xét xử xác định ông Kế, bà Hương và bà Bầu có thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi, sự thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật do vậy cần chấp nhận tính lãi suất theo yêu cầu của bà Bầu.

Số tiền nợ gốc và lãi suất được tính như sau:

+ Tiền lãi từ ngày 20/02/2017 âm lịch (tức ngày 17/3/2017 dương lịch) đến 12/4/2017 âm lịch (tức ngày 07/5/2017 dương lịch) là 52 ngày được tính bằng $278.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 52 \text{ ngày} = 5.782.400 \text{ đồng}$.

Số tiền thanh toán ngày 12/4/2017 âm lịch (tức ngày 07/5/2017 dương lịch) là 10.000.000 đồng trừ số tiền lãi phải thanh toán là 5.782.400 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 4.217.600 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 273.782.400 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 13/4/2017 âm lịch (tức ngày 08/5/2017 dương lịch) đến 03 /7/2017 âm lịch (tức ngày 24/8/2017 dương lịch) là 80 ngày được tính bằng $273.782.400 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 80 \text{ ngày} = 8.761.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thanh toán ngày 03 /7/2017 âm lịch (tức ngày 24/8/2017 dương lịch) là 15.000.000 đồng trừ số tiền lãi phải thanh toán là 8.761.000 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 6.239.000 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 267.543.400 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 04/7/2017 âm lịch (tức ngày 25/8/2017 dương lịch) đến 15/12/2017 âm lịch (tức ngày 31/01/2018 dương lịch) là 05 tháng 06 ngày được tính bằng $267.543.400 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} \times 05 \text{ tháng} + 267.543.400 \text{ đồng} \times 1,2\% : 30 \text{ ngày} \times 06 \text{ ngày} = 16.694.700 \text{ đồng}$.

Số tiền thanh toán ngày 15 /12/2017 âm lịch (tức ngày 31/01/2018 dương lịch) là 20.000.000 đồng, trừ số tiền lãi phải thanh toán là 16.694.700 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 3.053.000 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 264.490.400 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 16/12/2017 âm lịch (tức ngày 01/02/2018 dương lịch) đến 18/3/2018 âm lịch (tức ngày 03/5/2018 dương lịch) là 03 tháng 02 ngày được tính bằng

$264.490.400 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} \times 03 \text{ tháng} + 264.490.400 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 02 \text{ ngày} = 9.733.192 \text{ đồng}.$

Số tiền thanh toán ngày 18 /3/2018 âm lịch (tức ngày 03/5/2018 dương lịch) là 12.000.000 đồng, trừ số tiền lãi phải thanh toán là 9.733.192 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 2.266.808 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 262.223.592 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 19/3/2018 âm lịch (tức ngày 04/5/2018 dương lịch) đến 07/7/2018 âm lịch (tức ngày 17/8/2018 dương lịch) là 03 tháng 13 ngày được tính bằng $262.223.592 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} \times 03 \text{ tháng} + 262.223.592 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 13 \text{ ngày} = 10.803.600 \text{ đồng}.$

Số tiền thanh toán ngày 07/7/2018 âm lịch (tức ngày 17/8/2018 dương lịch) là 30.000.000 đồng, trừ số tiền lãi phải thanh toán là 10.803.600 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 19.196.400 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 243.027.192 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 08/7/2018 âm lịch (tức ngày 18/8/2018 dương lịch) đến 18/9/2018 âm lịch (tức ngày 26/10/2018 dương lịch) là 02 tháng 08 ngày được tính bằng $243.027.192 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} \times 02 \text{ tháng} + 243.027.192 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 08 \text{ ngày} = 6.610.200 \text{ đồng}.$

Số tiền thanh toán ngày 18/9/2018 âm lịch (tức ngày 26/10/2018 dương lịch) là 25.000.000 đồng, trừ số tiền lãi phải thanh toán là 6.610.200 đồng, số tiền gốc thanh toán được là 18.389.800 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 224.637.390 đồng.

Tính đến ngày 19/9/2018 âm lịch (tức ngày 27/10/2018 dương lịch) số tiền gốc ông Kế, bà Hường còn nợ là 224.637.390 đồng được tính lãi cụ thể đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023:

+ Tiền lãi từ ngày 19/9/2018 âm lịch (tức ngày 27/10/2018 dương lịch) đến 28/12/2019 âm lịch (tức ngày 22/01/2020 dương lịch) là 01 năm 02 tháng 26 ngày được tính bằng $224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng} + 224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày} = 37.738.900 \text{ đồng}.$

+ Tiền lãi từ ngày 29/12/2019 âm lịch (tức ngày 23/01/2020 dương lịch) đến 25/4/2020 âm lịch (tức ngày 17/5/2020 dương lịch) là 03 tháng 24 ngày được tính bằng $224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} \times 03 \text{ tháng} + 224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 10.243.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi từ ngày 26/4/2020 âm lịch (tức ngày 18/5/2020 dương lịch) đến 07/10/2020 âm lịch (tức ngày 21/11/2020 dương lịch) là 05 tháng 03 ngày được tính bằng $224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} \times 05 \text{ tháng} + 224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} = 13.710.300 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi từ ngày 08/10/2020 âm lịch (tức ngày 22/11/2020 dương lịch) đến 15/3/2022 âm lịch tức ngày 15/4/2022 dương lịch là 16 tháng 23 ngày được tính bằng $224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} \times 16 \text{ tháng} + 224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày} = 45.196.200 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi từ ngày 16/3/2022 âm lịch (tức ngày 16/4/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 14/02/2023 dương lịch là 9 tháng 28 ngày được tính bằng $224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} \times 9 \text{ tháng} + 224.637.390 \text{ đồng} \times 1,2\% / \text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 26.774.800 \text{ đồng}$.

Như vậy số tiền lãi được tính trên số tiền gốc còn nợ từ ngày 18/9/2018 âm lịch (tức ngày 26/10/2018 dương lịch) đến ngày 14/02/2023 là ngày xét xử sơ thẩm là 133.663.200 đồng.

Số tiền lãi ông Kế, bà Bầu đã thanh toán các lần ngày 28/12/2019 âm lịch là 20.000.000 đồng, thanh toán ngày 25/4/2020 âm lịch 10.000.000 đồng, thanh toán ngày 07/10/2020 âm lịch 15.000.000 đồng, thanh toán ngày 15/3/2022 âm lịch 5.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Kế, bà Hường toán được là 50.000.000 đồng được trừ vào khoản tiền lãi phải trả cho bà Bầu tính đến ngày 14/02/2023 là 133.663.200 đồng, số tiền lãi còn phải trả là 83.663.200 đồng..

Như vậy số tiền gốc ông Kế, bà Hường phải trả cho bà Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn Chính theo giấy ghi nợ đề ngày 20/2/2017 là 224.637.390 đồng và lãi phát sinh là 83.663.200 đồng.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B buộc vợ chồng ông Kế, bà Hường phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn Ch số tiền còn nợ là

308.300.590 đồng, trong đó tiền gốc là 224.637.390 đồng và tiền lãi phát sinh là 83.663.200 đồng.

[4]- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 12 khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Kế, bà Hương phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do bà Bầu không phải nộp tiền tạm ứng án phí lên không xem xét.

[5]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 288; Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; khoản 1 Điều 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B.

Buộc ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H phải liên đới trả trả cho bà Vũ Thị B, ông Nguyễn Văn Ch số tiền còn nợ là 308.300.590 đồng (Ba trăm linh tám triệu ba trăm nghìn năm trăm chín mươi bà đồng) (trong đó tiền gốc nợ là 224.637.390 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi đồng) và tiền lãi phát sinh là 83.663.200 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn K, bà Ngô Thị H phải liên đới chịu 15.415.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tuấn